TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST Ngày 23-7-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy

2. Ông Đỗ Văn Thư

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Ngô Trí Thắng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QDST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 07/2019/TB-TA ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn D, nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị H, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, nơi cư trú: Khu A5, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 09 tháng 02 năm 2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Phạm Thị H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng

vào ngày 26 tháng 12 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, lối sống nên thường xuyên xẩy ra đánh cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị H đã đi thuê nhà ở riêng tại phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng từ ngày 08 tháng 3 năm 2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Khánh D sinh ngày 18 tháng 12 năm 2009, ly hôn anh D đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Trần Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 18 tháng 4 năm 2019 bị đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng chị H khai như lời khai của anh D đã trình bày ở trên. Chị H xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh D có quan hệ không đúng mực với người phụ nữ khác nên vợ chồng không hòa thuận và xẩy ra mâu thuẫn, chị không đồng ý ly hôn vì con chung còn nhỏ và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Khánh D như anh D trình bày. Do không đồng ý ly hôn nên chị H không có quan điểm về con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung: Do không đồng ý ly hôn nên chị H không có quan điểm về tài sản chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn D được ly hôn chị Phạm Thị H; về con chung: Giao con chung Trần Khánh D sinh ngày 29 tháng 12 năm 2009 cho anh Trần Văn D nuôi dưỡng sau ly hôn; việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không xem xét giải quyết; về án phí: Anh Trần

Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật; về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 13 tháng 01 năm 2019 anh Trần Văn D nộp đơn khởi kiện ly hôn với chị Phạm Thị H tại Tòa án, tại thời điểm nộp đơn khởi kiện chị H có địa chỉ cư trú tại thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương. Do vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị H thay đổi địa chỉ cư trú và thuê nhà trọ ở tại Khu A5, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng không ảnh hưởng đến thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn anh Trần Văn D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Anh Trần Văn D và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Như vậy, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của anh Trần Văn D và chị Phạm Thị H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, lối sống, không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi đánh nhau, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh D và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Phạm Thị H không đồng ý ly hôn và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng tại phiên họp hòa giải và tại phiên tòa chị H đều vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ chị H không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của vợ chồng, chị H không đồng ý ly hôn không phải xuất phát từ tình cảm vợ chồng nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Trần Văn D và chị Phạm Thị H có 01 con chung là Trần Khánh D sinh ngày 29 tháng 12 năm 2009. Anh D có quan điểm được nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, chị H không có quan điểm về con chung. Xét, con chung hiện chưa đủ 18 tuổi, chị H không có quan điểm về con chung sau ly hôn,

do vậy để đảm bảo quyền lợi của con sau ly hôn nên giao con chung cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H không có quan điểm về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh Trần Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H không có quan điểm về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Trần Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn D được ly hôn chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Khánh D sinh ngày 29 tháng 12 năm 2009 cho anh Trần Văn D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Trần Văn D đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004108 ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã A, huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Liên